

Bộ, tỉnh: Tỉnh Sơn La

Mẫu số 09a-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND tỉnh Sơn La

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Thanh tra tỉnh Sơn La

Mã đơn vị: 1017059

Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2025

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm						2.779.461						
3	Xe ô tô						1.309.000						
	Xe ô tô con 7 chỗ, số tự động Hiệu Mitsubishi Pajero Sport GLS-H KS5WGUPML (Số khung MMBGUKS50RH011909; số máy BR81946B31)		1,0	MITSUBISHI	Thái Lan	2024	1.309.000	Chỉ định thầu					
4	Tài sản cố định khác						1.470.461						
	Màn hình LED Led P25 Indoor - 2025 (Hội trường)	Cái	1,0			2025	95.316	Mua sắm trực tiếp					
	Máy tính xách tay HP - 2025 (Nhưng)	Cái	1,0			2025	15.000	Mua sắm trực tiếp					
	Máy vi tính để bàn – 2025 (PV QLVB và hồ sơ công việc chứa nội dung bí mật nhà nước)		1,0		Việt Nam	2025	27.100	Mua sắm trực tiếp					
	Máy vi tính để bàn cá nhân - 2025 (ĐK Hưng)	Cái	1,0		Trung Quốc	2025	19.730	Mua sắm trực tiếp					
	Phần mềm QL lập KH Thanh tra và xử lý chồng chéo Thanh tra		1,0		Việt Nam	2024	1.297.315	Mua sắm trực tiếp					

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Phần mềm Quản lý tài sản	Phần mềm	1,0	MISA	Việt Nam	2025	16.000	Mua sắm trực tiếp					
II	Tài sản giao mới						27.035.925						
2	Nhà						20.874.656						
	Nhà ở, nhà làm việc trụ sở Sở Ngoại vụ (802m ² ; diện tích sàn 2284,7 m ²)	Cái	1,0				20.874.656						
4	Tài sản cố định khác						6.161.269						
	6-Máy tính xách tay Acer-2021 (LT Phương)		1,0	ĐNA	Việt Nam	2021	14.982						
	Bàn bóng Song Ngư		1,0				12.500						
	Bàn ghế tiếp khách gỗ sồi - 2016	Bộ	1,0				10.000						
	Bộ bàn ghế phòng tiếp dân (STC)- 2412H5+GHT05 - 2021	Bộ	1,0	Hòa Phát			21.750						
	Bộ bàn ghế uống nước salông Đài Loan - Sở TC	Bộ	1,0				15.200						
	Bộ cân kiểm tra trái trọng xe lưu động COUNTY - 2014		1,0	COUNTY HM		2014	1.972.428						
	Camera an ninh (2018) - VPUB tỉnh		1,0				28.812						
	Camera cầm tay Hồng ngoại - 2020		1,0				15.500						
	Cân sách tay số 01 -2023	Bộ	1,0				195.000						
	Cân tải trọng xe ô tô xách tay Model: Ultraslim 40T-BT Massload - 2023	Bộ	1,0	Ultraslim 40T-BT Massload			310.500						
	Điều hòa Casper (phòng Phó GD SNV cũ)	Cái	1,0	casper	Việt Nam	2020	10.380						
	Điều hoà cassette âm trần Công suất 48.000BTU (Văn phòng)	Bộ	1,0	cassette			56.295						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Điều hoà Daikin 9.000BTU (phòng GD Phạm Thị Doan)	Bộ	1,0	Daikin			13.945						
	Điều hoà Daikin 9.000BTU (phòng phó GD Phạm Đại Phong)		1,0	Daikin			13.945						
	Điều hoà Funiki (phòng CNTT-VT-SNV cũ)	Bộ	1,0	Funiki	Việt Nam	2022	20.587						
	Điều hoà Funiki (phòng CNTT-VT-SNV cũ)	Bộ	1,0	Funiki	Việt Nam	2022	20.587						
	Điều hoà Funiki (phòng Văn thư SNV cũ)	Bộ	1,0	Funiki	Việt Nam	2022	14.310						
	Điều hoà Funiki (phòng Báo chí SNV cũ)	Bộ	1,0	Funiki	Việt Nam	2022	24.705						
	Điều hoà Funiki (phòng Giám đốc SNV cũ)	Bộ	1,0	Funiki	Việt Nam	2022	20.587						
	Điều hoà Mitsushu 18.0000BTU (Phòng bảo vệ)	Bộ	1,0	Mitshu			15.663						
	Điều hoà tủ đứng 28.000 BTU Dakin 1 chiều lạnh (phòng Giám đốc Lưu Bình Khiêm)		1,0	Daikin			41.145						
	Điều hoà tủ đứng hội trường FVRN125AXV1, 1 chiều, Ga 410, công suất 45.000BTU	Bộ	1,0				48.550						
	Hệ thống trực tuyến tiếp công dân trên địa bàn tỉnh	Bộ	1,0				1.607.020						
	Hội trường -12- Thiết bị âm thanh (14 mic, 3 thiết bị)		1,0				90.791						
	Máy ảnh ESO 700D -2016		1,0		Trung Quốc	2016	14.990						
	Máy điều hoà không khí 12.000 BTU Dakin 2 chiều nóng, lạnh (cạnh phòng TP HCTC Hà Minh Thi)		1,0	daikin			17.350						
	Máy điều hoà không khí 48.000 BTU âm trần Dakin 1 chiều lạnh (phòng họp tầng 3)	Bộ	1,0	Daikin			28.148						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy điều hòa không khí 48.000 BTU âm trần Dakin 1 chiều lạnh (phòng họp tầng 3)	Bộ	1,0	Daikin			28.148						
	Máy điều hòa không khí 9.000 BTU Dakin 1 chiều (phòng Phó GD Nguyễn Văn May)	Bộ	1,0	daikin			13.945						
	Máy điều hòa không khí 9.000 BTU Dakin 1 chiều (phòng Phó GD Quảng Thị Thịnh)	Bộ	1,0	daikin			13.945						
	Máy điều hòa không khí 9.000 BTU Dakin 1 chiều (phòng Trưởng phòng HCTC Hà Minh Thi)	Bộ	1,0	daikin			13.945						
	Máy điều hòa nhiệt độ Samsung (Phó Phòng Ngoại vụ - Biên giới Lê Huy Hoàng)	Bộ	1,0	samsung			12.500						
	Máy đo nồng độ cồn trong hơi thở - 2023		1,0				46.310						
	Máy ghi âm Zoom H6 - 2020	Bộ	1,0		Trung Quốc		10.900						
	Máy scan HP Pro 2000 s19 - 2019 (NTB Hệ)		1,0	HP		2019	19.500						
	Máy tính để bàn – HP 2024 (TTHa)	Cái	1,0	HP	Việt Nam	2024	13.980						
	Máy tính để bàn –FPT 2017 (NT Thành)		1,0	FPT	Việt Nam	2017	13.000						
	Máy tính để bàn FPT - 2020 (ĐTTâm)	Cái	1,0	FPT	Việt Nam	2020	14.155						
	Máy tính để bàn FPT elead HTN 7500 - Sở Tài Chính	Bộ	1,0	FPT		2020	14.155						
	Máy tính để bàn FPT elead HTN 7500 FPT - Sở Tài Chính	Bộ	1,0	FPT		2020	14.155						
	Máy tính để bàn FPTLAED - 2020 (LV Định)		1,0	ĐNA	Việt Nam	2020	12.720						
	Máy tính để bàn HP-2017 (HTN Anh)		1,0	ĐNA	Việt Nam	2017	13.000						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy tính vi tính để bàn FPT - 2020 (HV Lợi)	Cái	1,0	FPT	Việt Nam	2020	11.080						
	Máy tính xách tay -2024 (T Thái)	Cái	1,0	Dell	Việt Nam	2024	15.000						
	Máy tính xách tay – 2024 (PT Hoà)	Cái	1,0		Việt Nam	2024	15.000						
	Máy tính xách tay – Dell Votros 3520 - 2024 (LV Tú)	Cái	1,0	Dell	Việt Nam	2024	14.900						
	Máy tính xách tay Acer-2021 (LT Phương)		1,0	ĐNA	Việt Nam	2021	14.982						
	Máy tính xách tay ASUS expert Book -2023 (NV Hùng)		1,0	HP		2023	14.430						
	Máy tính xách tay HP - 2022 (BĐ Nguyên)	Cái	1,0	HP	Việt Nam	2022	15.000						
	Máy tính xách tay HP Pavilion 14 -2017 (CB Minh)		1,0	HP		2017	12.935						
	Máy tính xách tay HP Probook (STC) - 2018 (MT Mật)		1,0	Dell		2018	14.725						
	Máy tính xách tay HP ProBook 400G6 (STC) - 2019 (Dùng chung)	Bộ	1,0	HP		2019	14.725						
	Máy vi tính – 2020 (QT Lan)	Cái	1,0	HP	Việt Nam	2020	12.980						
	Máy vi tính để bàn - 2017 (CT Việt)		1,0		Trung Quốc	2017	11.008						
	Máy vi tính để bàn - 2017 (MM Thương)		1,0		Trung Quốc	2017	11.008						
	Máy vi tính để bàn - 2022 (HTH Nhung)		1,0			2022	14.600						
	Máy vi tính để bàn - 2023 (NTB Huệ)		1,0	FPT		2023	13.000						
	Máy vi tính để bàn - 2024 (LT Kiên)		1,0		Trung Quốc	2024	15.000						
	Máy vi tính để bàn – 2015 (PQ Thuận)	Cái	1,0	HP	Việt Nam	2015	12.680						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy vi tính để bàn Dell - 2024 (QTT Hằng)		1,0	Dell	Việt Nam	2024	14.110						
	Máy vi tính để bàn Dell -2020 (TH Hoàng)		1,0	FPT	Trung Quốc	2020	14.960						
	Máy vi tính để bàn FPT - 2018 (NN Dũng)		1,0	FPT		2018	14.155						
	Máy vi tính để bàn FPT - 2019 (TX Hoà)		1,0		Trung Quốc	2019	14.725						
	Máy vi tính để bàn FPT - 2021 (TT Huyền)		1,0		Trung Quốc	2021	14.971						
	Máy vi tính để bàn FPT - 2023 (ĐD Nam)		1,0		Trung Quốc	2023	14.548						
	Máy vi tính để bàn FPT -2017 (BTM Phương)	Cái	1,0	FPT	Việt Nam	2017	11.008						
	Máy vi tính để bàn FPT -2020 (ĐT Kiên)		1,0	FPT	Trung Quốc	2020	14.960						
	Máy vi tính để bàn FPT -2020 (PT Vy)	Cái	1,0	FPT	Việt Nam	2020	12.500						
	Máy vi tính để bàn FPT T3456A - 2017 (MT Mật)	Cái	1,0		Việt Nam	2017	11.008						
	Máy vi tính để bàn FPT- elead - 2019 (PTH Vân)	Cái	1,0	FPT	Việt Nam	2019	14.725						
	Máy vi tính để bàn FPT- elead - 2020 (ST Thái)	Cái	1,0	FPT	Việt Nam	2020	11.000						
	Máy vi tính để bàn FPT- elead -2019 (LT Huyền)	Cái	1,0	FPT	Việt Nam	2019	14.725						
	Máy vi tính để bàn FPT-2020 (HTP Mai)		1,0	FPT	Trung Quốc	2020	14.960						
	Máy vi tính để bàn FPT-2020 (NQ Hương)		1,0	FPT	Trung Quốc	2020	14.960						
	Máy vi tính để bàn FPT- 2021 (NH Hoàng)		1,0	FPT	Trung Quốc	2021	14.971						
	Máy vi tính để bàn HP- 2012 (GV Mạnh)		1,0		Trung Quốc	2012	12.295						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy vi tính để bàn HP- 2012 (PTT Hà)		1,0		Trung Quốc	2012	12.295						
	Máy vi tính để bàn HP- 2021 (BTT Trang)		1,0	HP	Việt Nam	2021	15.000						
	Máy vi tính để bàn Lenovo - 2022 (NV Tiến)		1,0	Lenovo	Trung Quốc	2022	15.491						
	Máy vi tính để bàn LG-2012 (T H Hiệp)		1,0	LG	Việt Nam	2012	11.200						
	Máy vi tính để bàn Sam Sung - 2016 (NS Hà)	Cái	1,0	Samsung	Việt Nam	2016	12.000						
	Máy vi tính để bàn FPT - 2016 (TT Hạnh)	Cái	1,0		Việt Nam	2016	12.500						
	Máy vi tính LENOVO - 2018 (TTT Bình)	Cái	1,0	HP	Việt Nam	2018	10.200						
	Máy vi tính xách tay Acer - 2019 (NTB Thủy)	Cái	1,0	Acer	Việt Nam	2019	12.720						
	Máy vi tính xách tay Acer - 2019 (PTN Quyên)	Cái	1,0	Dell	Việt Nam	2019	12.720						
	Máy vi tính xách tay Acer - 2020 (LN Nghĩa)		1,0	Acer	Trung Quốc	2020	14.960						
	Máy vi tính xách tay acer - 2021 (PM Thắng)		1,0	acer	Trung Quốc	2021	14.982						
	Máy vi tính xách tay Acer Aspire A315 -2023 (PT Vy)	Cái	1,0	Dell	Việt Nam	2023	14.928						
	Máy vi tính xách tay Asus - 2024 (Ngô TB Thủy)	Cái	1,0	Dell	Việt Nam	2020	15.000						
	Máy vi tính xách tay Dell - 2016 (LT Nam)		1,0	HP		2016	13.000						
	Máy vi tính xách tay Dell-2012 (HV Khương)		1,0	Dell			13.000						
	Máy vi tính xách tay HP - 2017 (nm Đức)	Cái	1,0	HP	Việt Nam	2017	12.935						
	Máy vi tính xách tay HP -2023 (ĐV Sỹ)		1,0	FPT	Trung Quốc	2023	15.000						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Máy vi tính xách tay HP Pavilion - 2022 (NH Cường)		1,0	HP Pavilion			19.400						
	SWswitch layerz -WS C2960-24TC- L		1,0				64.768						
	Thiết bị trích xuất thông tin từ thiết bị Giám sát hành trình - 2023	Bộ	1,0				34.700						
	Tủ tài liệu Hòa phát 3 cánh - 2012 (NV Hùng)		1,0	HP		2012	11.320						
	Xe máy EXCTER-2ND1 135cc		1,0	YAMAHA A		16	44.690						
	Xe máy Suzuki GZ 150-A (XM01) - 2013	Bộ	1,0	Suzuki			52.000						
	Xe máy Suzuki GZ 150-A (XM02) - 2013	Bộ	1,0	Suzuki			52.000						
	Xe máy Suzuki GZ 150-A (XM03) - 2014	Bộ	1,0	Suzuki			56.800						
	Xe tải Kia 1,25 tấn - 2013		1,0	KIA		2011	220.000						
	Tổng cộng						29.815.386						

Ngày 15 tháng 3 năm 2026.

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)




Lê Huy Long

Bộ, tỉnh: Tỉnh Sơn La
 Cơ quan quản lý cấp trên: UBND tỉnh Sơn La
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Thanh tra tỉnh Sơn La
 Mã đơn vị: 1017059
 Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2025

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà										Ghi chú		
		Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m ²)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m ²))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp						Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Nhà ở, nhà làm việc trụ sở Sở Ngoại vụ (802m ² ; diện tích sàn 2284,7 m ²)									2016	2.285	20.874.656	12.524.794	2.285								
Tổng cộng:											2.285	20.874.656	12.524.794	2.285								

Người lập báo cáo
 (Ký, họ tên)

Bưu Thị Thu Trang

Ngày 15 tháng 2 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
 (Ký, họ tên và đóng dấu)



Lê Huy Long

Bộ, tỉnh: Tỉnh Sơn La

Mẫu số 09c-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND tỉnh Sơn La

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Thanh tra tỉnh Sơn La

Mã đơn vị: 1017059

Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Năm 2025

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xe ô tô		4,0	3.724.800	3.724.800		1.728.107							
	Năm 2009		1,0	580.000	580.000									
1	TOYOTA - BKS 26B - 6588	Bộ phận lái xe	1,0	580.000	580.000			x						x
	Năm 2018		1,0	1.085.800	1.085.800		506.417							
1	NISSAN - BKS 26A - 012.67	Bộ phận lái xe	1,0	1.085.800	1.085.800		506.417		x					x
	Năm 2024		1,0	750.000	750.000									
1	Ford Escape - BKS 26A - -00540	Bộ phận lái xe	1,0	750.000	750.000									x
	Năm 2025		1,0	1.309.000	1.309.000		1.221.690							
1	MITSUBISHI - BKS 26A - 015.85	Bộ phận lái xe	1,0	1.309.000	1.309.000		1.221.690		x					x
II	Tài sản cố định khác		164,0	8.776.821	8.776.821		1.840.376							
	Năm 2011		3,0	86.990	86.990									
1	Máy vi tính xách tay - 2011 (TX Hoà)	PHÒNG NV8	1,0	15.990	15.990				x					x
2	Tăng âm loa đài YAMAHA MIXER POWER	PHÒNG NV5	1,0	40.000	40.000									x
3	Ti vi Sam Sung PS51D490A1NXXV - 2011	PHÒNG NV5	1,0	31.000	31.000									x
	Năm 2012		4,0	40.500	40.500									
1	Máy tính để bàn - 2012 (NM Phương)	PHÒNG NV2	1,0	10.125	10.125									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Máy tính để bàn ASUS -2012 (ĐQ Minh)	PHÒNG NV3	1,0	10.125	10.125				x					x
3	Máy vi tính để bàn ASUS - 2012 (CV Hùng)	PHÒNG NV3	1,0	10.125	10.125				x					x
4	Máy vi tính để bàn ASUS - 2012 (TM Trường)	PHÒNG NV3	1,0	10.125	10.125				x					x
	Năm 2013		3,0	223.660	223.660									
1	Bộ chuẩn inox hạng II (01 bộ 6 cái) Bình 11, 21,51,101,201,501 - 2013	PHÒNG NV8	1,0	70.517	70.517				x					x
2	Máy tính để bàn – LD 2013 (NMDung)	PHÒNG NV2	1,0	10.143	10.143									x
3	Máy Toàn đạc	PHÒNG NV3	1,0	143.000	143.000				x					x
	Năm 2014		1,0	13.500	13.500									
1	Máy lọc nước R.OUSA 30L - 2014	PHÒNG NV5	1,0	13.500	13.500									x
	Năm 2015		11,0	112.543	112.543									
1	Máy tính để bàn – LD 2015 (ĐTT Hồng)	PHÒNG NV2	1,0	10.156	10.156				x					x
2	Máy tính để bàn – LD 2015 (MT Mật)	PHÒNG NV2	1,0	10.156	10.156				x					x
3	Máy tính để bàn FPT–2015 (LA Xuân)	PHÒNG NV4	1,0	10.156	10.156				x					x
4	Máy tính để bàn FPT–2015 (MT Mật)	PHÒNG NV4	1,0	10.156	10.156				x					x
5	Máy tính để bàn FPT–2015 (NM Trường)	PHÒNG NV4	1,0	10.156	10.156				x					x
6	Máy tính để bàn MSI– LD2015 (TK Tuyên)	PHÒNG NV3	1,0	10.156	10.156				x					x
7	Máy vi tính – LD 2015 (NH Thành)	PHÒNG NV1	1,0	10.156	10.156				x					x
8	Máy vi tính để bàn -LD 2015 (MT Mật)	PHÒNG NV7	1,0	10.156	10.156				x					x
9	Máy vi tính để bàn – LD 2015 (ĐT Thu)	PHÒNG NV5	1,0	10.983	10.983				x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
10	Máy vi tính để bàn – LD 2015 (LA Tùng)	PHÒNG NV5	1,0	10.156	10.156									x
11	Máy vi tính để bàn – LD 2015 (MT Mật)	PHÒNG NV1	1,0	10.156	10.156				x					x
	Năm 2016		9,0	155.845	155.845									
1	Xe máy EXCTER-2ND1 150cc	PHÒNG NV8	1,0	54.875	54.875				x					x
2	Phần mềm kế toán misa	PHÒNG NV5	1,0	18.000	18.000									x
3	Máy vi tính xách tay Sony - 2016 (MT Mật)	PHÒNG NV6	1,0	12.300	12.300				x					x
4	Máy vi tính để bàn – LD 2016 (MT Mật)	PHÒNG NV5	1,0	11.860	11.860				x					x
5	Máy vi tính để bàn - 2016 (MT Mật)	PHÒNG NV8	1,0	11.860	11.860				x					x
6	Máy vi tính để bàn - 2016 (MT Mật)	PHÒNG NV9	1,0	11.860	11.860				x					x
7	Máy vi tính – LD 2016 (NB Duy)	PHÒNG NV1	1,0	12.050	12.050				x					x
8	Máy tính để bàn – LD 2016 (HATuan)	PHÒNG NV2	1,0	12.050	12.050				x					x
9	Máy vi tính để bàn – LD 2016 (HB Ngọc)	PHÒNG NV5	1,0	10.990	10.990				x					x
	Năm 2017		2,0	36.008	36.008									
1	Máy vi tính – LD 2017 (LT Loan)	PHÒNG NV1	1,0	11.008	11.008				x					x
2	Máy vi tính xách tay Sony Vio – 2017 (LV Tú)	PHÒNG NV2	1,0	25.000	25.000				x					x
	Năm 2018		2,0	96.750	96.750									
1	Máy phô to cppy Gestether MP3055 – 2018	PHÒNG NV5	1,0	79.950	79.950				x					x
2	Máy tính xách tay Acer– 2018 (MT Mật)	PHÒNG NV1	1,0	16.800	16.800				x					x
	Năm 2020		9,0	201.145	201.145		39.125							
1	Máy tính xách tay HP– 2020 (LT Hiền)	PHÒNG NV4	1,0	14.960	14.960				x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Máy tính xách tay – 2020 (LT Nhung)	PHÒNG NV2	1,0	14.960	14.960									x
3	Máy tính sách tay DELL – 2019 (VH Ngọc)	PHÒNG NV4	1,0	14.725	14.725				x					x
4	Ghế ngồi họp phòng Hội trường Hoà Phát - 2020	PHÒNG NV5	1,0	76.300	76.300		19.075		x					x
5	Bàn họp phòng Hội trường Hoà Phát - 2020	PHÒNG NV5	1,0	40.200	40.200		10.050		x					x
6	Bàn ghế tiếp khách phòng Lãnh đạo Hoà Phát - 2020 (H Long)	Lãnh đạo thanh tra	1,0	10.000	10.000		2.500							x
7	Bàn ghế tiếp khách phòng Lãnh đạo Hoà Phát - 2020	Lãnh đạo thanh tra	1,0	10.000	10.000		2.500							x
8	Bàn ghế tiếp khách phòng Lãnh đạo - 2020	PHÒNG NV4	1,0	10.000	10.000		2.500		x					x
9	Bàn ghế tiếp khách phòng Lãnh đạo Hoà Phát - 2020 (LT Hằng)	Lãnh đạo thanh tra	1,0	10.000	10.000		2.500							x
	Năm 2021		6,0	89.110	89.110		5.325							
1	Bàn ghế hộ ý lãnh đạo	Lãnh đạo thanh tra	1,0	14.200	14.200		5.325							x
2	Máy tính xách tay acer - 2021 (MT Mật)	PHÒNG NV3	1,0	14.982	14.982				x					x
3	Máy tính xách tay Acer - 2021 (NQ Sơn)	PHÒNG NV3	1,0	14.982	14.982				x					x
4	Máy tính xách tay Acer – 2021 (NV Việt)	PHÒNG NV4	1,0	14.982	14.982				x					x
5	Máy vi tính Acer – 2021 (LĐ Dương)	PHÒNG NV1	1,0	14.982	14.982									x
6	Máy vi tính xách tay Acer - 2021 (NH Tú)	PHÒNG NV5	1,0	14.982	14.982									x
	Năm 2024		6,0	89.040	89.040		53.424							
1	Máy vi tính xách tay Dell Votros - 2024 (MT Mật)	PHÒNG NV5	1,0	14.840	14.840		8.904		x					x
2	Máy vi tính xách tay Dell Votros - 2024 (MT Mật)	PHÒNG NV3	1,0	14.840	14.840		8.904							x
3	Máy vi tính xách tay Dell Votros - 2024 (MT Mật)	PHÒNG NV6	1,0	14.840	14.840		8.904		x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
4	Máy tính xách tay – Dell Votros 2024 (MT Mật)	PHÒNG NV2	1,0	14.840	14.840		8.904		x					x
5	Máy tính xách tay – 2024 Dell Votros (MT Mật)	PHÒNG NV1	1,0	14.840	14.840		8.904		x					x
6	Máy tính sách tay Dell Votros – 2024 (MT Mật)	PHÒNG NV4	1,0	14.840	14.840		8.904		x					x
	Năm 2025		108,0	7.631.730	7.631.730		1.742.502							
1	Máy vi tính để bàn FPT-2020 (NQ Hương)	PHÒNG NV7	1,0	14.960	14.960				x					x
2	Máy vi tính để bàn FPT-2020 (HTP Mai)	PHÒNG NV7	1,0	14.960	14.960				x					x
3	Máy vi tính để bàn FPT- elead - 2019 (LT Huyền)	PHÒNG NV6	1,0	14.725	14.725				x					x
4	Máy vi tính để bàn FPT- elead - 2020 (ST Thái)	PHÒNG NV6	1,0	11.000	11.000				x					x
5	Máy vi tính để bàn FPT- elead - 2019 (PTH Vân)	PHÒNG NV6	1,0	14.725	14.725				x					x
6	Máy vi tính để bàn FPT T3456A - 2017 (MT Mật)	PHÒNG NV6	1,0	11.008	11.008				x					x
7	Máy vi tính để bàn FPT -2020 (PT Vy)	PHÒNG NV6	1,0	12.500	12.500				x					x
8	Máy vi tính để bàn FPT -2020 (ĐT Kiên)	PHÒNG NV7	1,0	14.960	14.960				x					x
9	Máy vi tính để bàn FPT -2017 (BTM Phương)	PHÒNG NV6	1,0	11.008	11.008				x					x
10	Máy vi tính để bàn FPT - 2023 (ĐD Nam)	PHÒNG NV8	1,0	14.548	14.548		5.819		x					x
11	Máy vi tính để bàn FPT - 2021 (TT Huyền)	PHÒNG NV8	1,0	14.971	14.971				x					x
12	Máy vi tính để bàn FPT - 2019 (TX Hoà)	PHÒNG NV8	1,0	14.725	14.725				x					x
13	Máy vi tính để bàn FPT - 2018 (NN Dũng)	PHÒNG NV7	1,0	14.155	14.155				x					x
14	Máy vi tính để bàn Dell -2020 (TH Hoàng)	PHÒNG NV7	1,0	14.960	14.960				x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
15	Máy vi tính để bàn Dell - 2024 (QTT Hằng)	PHÒNG NV5	1,0	14.110	14.110		8.466		x					x
16	Máy vi tính để bàn cá nhân - 2025 (ĐK Hưng)	PHÒNG NV5	1,0	19.730	19.730		15.784		x					x
17	Máy vi tính để bàn – 2025 (PV QLVB và hồ sơ công việc chứa nội dung bí mật nhà nước)	PHÒNG NV5	1,0	27.100	27.100		21.680		x					x
18	Máy vi tính để bàn – 2015 (PQ Thuận)	PHÒNG NV1	1,0	12.680	12.680									x
19	Máy vi tính để bàn - 2024 (LT Kiên)	PHÒNG NV9	1,0	15.000	15.000		9.000		x					x
20	Máy vi tính để bàn - 2023 (NTB Huệ)	PHÒNG NV9	1,0	13.000	13.000		5.200							x
21	Máy vi tính để bàn - 2022 (HTH Nhung)	PHÒNG NV9	1,0	14.600	14.600		2.920		x					x
22	Máy vi tính để bàn - 2017 (MM Thương)	PHÒNG NV8	1,0	11.008	11.008				x					x
23	Máy vi tính để bàn - 2017 (CT Việt)	PHÒNG NV8	1,0	11.008	11.008				x					x
24	Máy vi tính để bàn FPT– 2021 (NH Hoàng)	PHÒNG NV5	1,0	14.971	14.971				x					x
25	Máy vi tính để bàn HP- 2012 (GV Mạnh)	PHÒNG NV8	1,0	12.295	12.295				x					x
26	Máy vi tính để bàn HP- 2012 (PTT Hà)	PHÒNG NV8	1,0	12.295	12.295				x					x
27	Máy vi tính để bàn HP– 2021 (BTT Trang)	PHÒNG NV5	1,0	15.000	15.000				x					x
28	Xe máy Suzuki GZ 150-A (XM 02) - 2013	PHÒNG NV7	1,0	52.000	52.000									x
29	Xe máy Suzuki GZ 150-A (XM 01) - 2013	PHÒNG NV7	1,0	52.000	52.000									x
30	Xe máy EXCTER-2ND1 135cc	PHÒNG NV8	1,0	44.690	44.690									x
31	Tủ tài liệu Hòa phát 3 cánh -2012 (NV Hùng)	PHÒNG NV9	1,0	11.320	11.320				x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
32	Thiết bị trích xuất thông tin từ thiết bị Giám sát hành trình - 2023	PHÒNG NV7	1,0	34.700	34.700		21.688							x
33	SWswitch layerz -WS C2960-24TC- L	Trụ sở Hoàng Quốc Việt	1,0	64.768	64.768		32.384							x
34	Phần mềm Quản lý tài sản	PHÒNG NV5	1,0	16.000	16.000		12.800							x
35	Phần mềm QL lập KH Thanh tra và xử lý chồng chéo Thanh tra	PHÒNG NV3	1,0	1.297.315	1.297.315		1.037.852							x
36	Máy vi tính xách tay HP Pavilion - 2022 (NH Cường)	PHÒNG NV8	1,0	19.400	19.400		3.880		x					x
37	Máy vi tính xách tay HP -2023 (ĐV Sỹ)	PHÒNG NV7	1,0	15.000	15.000		6.000		x					x
38	Máy vi tính xách tay HP - 2017 (nm Đức)	PHÒNG NV3	1,0	12.935	12.935				x					x
39	Máy vi tính – 2020 (QT Lan)	PHÒNG NV1	1,0	12.980	12.980									x
40	Máy vi tính xách tay Dell-2012 (HV Khương)	PHÒNG NV7	1,0	13.000	13.000				x					x
41	Máy vi tính xách tay Asus -2024 (Ngô TB Thủy)	PHÒNG NV6	1,0	15.000	15.000		9.000		x					x
42	Máy vi tính xách tay Acer Aspire A315 -2023 (PT Vy)	PHÒNG NV6	1,0	14.928	14.928		5.971		x					x
43	Máy vi tính xách tay acer - 2021 (PM Thắng)	PHÒNG NV8	1,0	14.982	14.982				x					x
44	Máy vi tính xách tay Acer - 2020 (LN Nghĩa)	PHÒNG NV7	1,0	14.960	14.960				x					x
45	Máy vi tính xách tay Acer - 2019 (PTN Quyên)	PHÒNG NV6	1,0	12.720	12.720				x					x
46	Máy vi tính xách tay Acer -2019 (NTB Thủy)	PHÒNG NV6	1,0	12.720	12.720				x					x
47	Máy vi tính LENOVO – 2018 (TTT Bình)	PHÒNG NV1	1,0	10.200	10.200									x
48	Máy vi tính để bàn FPT – 2016 (TT Hạnh)	PHÒNG NV1	1,0	12.500	12.500									x
49	Máy vi tính để bàn Sam Sung - 2016 (NS Hà)	PHÒNG NV6	1,0	12.000	12.000				x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
50	Máy vi tính để bàn LG-2012 (T H Hiệp)	PHÒNG NV2	1,0	11.200	11.200				x					x
51	Máy vi tính để bàn Lenovo - 2022 (NV Tiên)	PHÒNG NV8	1,0	15.491	15.491		3.098		x					x
52	Máy vi tính xách tay Dell -2016 (LT Nam)	PHÒNG NV7	1,0	13.000	13.000				x					x
53	Máy tính xách tay HP ProBook 400G6 (STC) - 2019 (Dùng chung)	PHÒNG NV7	1,0	14.725	14.725				x					x
54	Hội trường -12- Thiết bị âm thanh (14 mic, 3 thiết bị)	Trụ sở Hoàng Quốc Việt	1,0	90.791	90.791									x
55	Máy tính xách tay HP Pavilion 14 -2017 (CB Minh)	PHÒNG NV9	1,0	12.935	12.935		2.587		x					x
56	Hệ thống trực tuyến tiếp công dân trên địa bàn tỉnh	PHÒNG NV9	1,0	1.607.020	1.607.020				x					x
57	Điều hoà tủ đứng hội trường FVRN125AXV1, 1 chiều, Ga 410, công suất 45.000BTU	Trụ sở Hoàng Quốc Việt	1,0	48.550	48.550									x
58	Điều hòa tủ đứng 28.000 BTU Dakin 1 chiều lạnh (phòng Giám đốc Lưu Bình Khiêm)	Trụ sở Hoàng Quốc Việt	1,0	41.145	41.145									x
59	Điều hòa Mitshu 18.0000BTU (Phòng bảo vệ)	Trụ sở Hoàng Quốc Việt	1,0	15.663	15.663				x					x
60	Điều hòa Funiki (phòng Giám đốc SNV cũ)	Trụ sở Hoàng Quốc Việt	1,0	20.587	20.587		10.293							x
61	Điều hòa Funiki (phòng Báo chí SNV cũ)	Trụ sở Hoàng Quốc Việt	1,0	24.705	24.705		12.353							x
62	Điều hòa Funiki (phòng Văn thư SNV cũ)	Trụ sở Hoàng Quốc Việt	1,0	14.310	14.310		7.155							x
63	Điều hòa Funiki (phòng CNTT-VT-SNV cũ)	Trụ sở Hoàng Quốc Việt	1,0	20.587	20.587		10.293							x
64	Điều hòa Funiki (phòng CNTT-VT-SNV cũ)	Trụ sở Hoàng Quốc Việt	1,0	20.587	20.587		10.293							x
65	Điều hoà Daikin 9.000BTU (phòng phó GD Phạm Đại Phong)	Trụ sở Hoàng Quốc Việt	1,0	13.945	13.945									x
66	Điều hoà Daikin 9.000BTU (phòng GD Phạm Thị Doan)	Trụ sở Hoàng Quốc Việt	1,0	13.945	13.945									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
67	Điều hoà cassette âm trần Công suất 48.000BTU (Văn phòng)	Trụ sở Hoàng Quốc Việt	1,0	56.295	56.295									x
68	Điều hoà Casper (phòng Phó GD SNV cũ)	Trụ sở Hoàng Quốc Việt	1,0	10.380	10.380		2.595							x
69	Cân tải trọng xe ô tô xách tay Model: Ultraslim 40T-BT Massload - 2023	PHÒNG NV7	1,0	310.500	310.500		194.063							x
70	Cân sách tay số 01 -2023	PHÒNG NV7	1,0	195.000	195.000		121.875							x
71	Camera cầm tay Hồng ngoại - 2020	PHÒNG NV7	1,0	15.500	15.500									x
72	Camera an ninh (2018) - VPUB tỉnh	PHÒNG NV9	1,0	28.812	28.812				x					x
73	Bộ cân kiểm tra tải trọng xe lưu động COUNTY - 2014	PHÒNG NV7	1,0	1.972.428	1.972.428									x
74	Bộ bàn ghế uống nước salông Đài Loan - Sở TC	PHÒNG NV7	1,0	15.200	15.200				x					x
75	Bộ bàn ghế phòng tiếp dân (STC)- 2412H5+GHT05 - 2021	PHÒNG NV7	1,0	21.750	21.750		8.156		x					x
76	Bàn ghế tiếp khách gỗ sồi - 2016	PHÒNG NV7	1,0	10.000	10.000									x
77	Bàn bóng Song Ngư	Tiếp nhận từ Sở Ngoại vụ	1,0	12.500	12.500									x
78	6-Máy tính xách tay Acer-2021 (LT Phương)	PHÒNG NV4	1,0	14.982	14.982				x					x
79	Xe máy Suzuki GZ 150-A (XM 03) - 2014	PHÒNG NV7	1,0	56.800	56.800									x
80	Màn hình LED Led P25 Indoor - 2025 (Hội trường)	PHÒNG NV5	1,0	95.316	95.316		76.253		x					x
81	Máy ảnh ESO 700D -2016	PHÒNG NV8	1,0	14.990	14.990				x					x
82	Máy điều hoà không khí 12.000 BTU Dakin 2 chiều nóng, lạnh (cạnh phòng TP HCTC Hà Minh Thi)	Trụ sở Hoàng Quốc Việt	1,0	17.350	17.350									x
83	Máy tính xách tay HP - 2025 (Nhưng)	PHÒNG NV5	1,0	15.000	15.000		12.000		x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
84	Máy tính xách tay HP - 2022 (BĐ Nguyên)	PHÒNG NV3	1,0	15.000	15.000		3.000		x					x
85	Máy tính xách tay ASUS expert Book -2023 (NV Hùng)	PHÒNG NV9	1,0	14.430	14.430		5.772							x
86	Máy tính xách tay Acer-2021 (LT Phương)	PHÒNG NV4	1,0	14.982	14.982				x					x
87	Máy tính xách tay – Dell Votros 3520 - 2024 (LV Tú)	PHÒNG NV2	1,0	14.900	14.900		8.940		x					x
88	Máy tính xách tay – 2024 (PT Hoà)	PHÒNG NV2	1,0	15.000	15.000		9.000		x					x
89	Máy tính xách tay -2024 (T Thái)	PHÒNG NV6	1,0	15.000	15.000		9.000		x					x
90	Máy tính vi tính để bàn FPT - 2020 (HV Lợi)	PHÒNG NV6	1,0	11.080	11.080				x					x
91	Máy tính để bàn HP-2017 (HTN Anh)	PHÒNG NV4	1,0	13.000	13.000				x					x
92	Máy tính để bàn FPTLAED -2020 (LV Định)	PHÒNG NV4	1,0	12.720	12.720				x					x
93	Máy tính để bàn FPT elead HTN 7500 FPT - Sở Tài Chính	Chưa xác định	1,0	14.155	14.155									x
94	Máy tính xách tay HP Probook (STC) - 2018 (MT Mật)	PHÒNG NV7	1,0	14.725	14.725				x					x
95	Máy tính để bàn FPT elead HTN 7500 - Sở Tài Chính	Chưa xác định	1,0	14.155	14.155									x
96	Máy tính để bàn –FPT 2017 (NT Thành)	PHÒNG NV2	1,0	13.000	13.000									x
97	Máy tính để bàn – HP 2024 (TTHa)	PHÒNG NV2	1,0	13.980	13.980		8.388		x					x
98	Máy scan HP Pro 2000 s19 - 2019 (NTB Hệ)	PHÒNG NV9	1,0	19.500	19.500				x					x
99	Máy ghi âm Zoom H6 - 2020	PHÒNG NV7	1,0	10.900	10.900				x					x
100	Máy đo nồng độ cồn trong hơi thở - 2023	PHÒNG NV7	1,0	46.310	46.310		28.944							x
101	Máy điều hòa nhiệt độ Samsung (Phó Phòng Ngoại vụ - Biên giới Lê Huy Hoàng)	Trụ sở Hoàng Quốc Việt	1,0	12.500	12.500									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
102	Máy điều hòa không khí 9.000 BTU Dakin 1 chiều (phòng Trưởng phòng HCTC Hà Minh Thi)	Trụ sở Hoàng Quốc Việt	1,0	13.945	13.945									x
103	Máy điều hòa không khí 9.000 BTU Dakin 1 chiều (phòng Phó GD Quảng Thị Thịnh)	Trụ sở Hoàng Quốc Việt	1,0	13.945	13.945									x
104	Máy điều hòa không khí 9.000 BTU Dakin 1 chiều (phòng Phó GD Nguyễn Văn May)	Trụ sở Hoàng Quốc Việt	1,0	13.945	13.945									x
105	Máy điều hòa không khí 48.000 BTU âm trần Dakin 1 chiều lạnh (phòng họp tầng 3)	Trụ sở Hoàng Quốc Việt	1,0	28.148	28.148									x
106	Máy điều hòa không khí 48.000 BTU âm trần Dakin 1 chiều lạnh (phòng họp tầng 3)	Trụ sở Hoàng Quốc Việt	1,0	28.148	28.148									x
107	Máy tính để bàn FPT - 2020 (ĐTTâm)	PHÒNG NV2	1,0	14.155	14.155				x					x
108	Xe tải Kia 1,25 tấn - 2013	PHÒNG NV7	1,0	220.000	220.000									x
	Tổng cộng		168	12.501.621	12.501.621		3.568.483							

Ngày 15 tháng 3 năm 2016..

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Bùi Thị Thu Trang

Bùi Thị Thu Trang

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Lê Huy Long

Lê Huy Long

Bộ, tỉnh: Tỉnh Sơn La

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND tỉnh Sơn La

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Thanh tra tỉnh Sơn La

Mã đơn vị: 1017059

Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

Mẫu số 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2025

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)	Chi phí xử lý	Ghi chú			
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo				Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác														
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
I	Đất																
II	Nhà																
III	Xe ô tô	1.330.000															
1	26A - -00540	750.000			x												
2	26B - 6588	580.000			x												
IV	Tài sản cố định khác																
	Tổng cộng	1.330.000															

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)


Bùi Thị Thu Trang

Ngày 15 tháng 3 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Lê Huy Long